

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 12 - 2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quách Hà Vính

2. Ông Lưu Đình Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 41/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H; sinh năm: 1979

Địa chỉ: Phố S, thị trấn TN, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hoá. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Văn D; sinh năm: 1977

Địa chỉ: Thôn TQ, thị trấn VD, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/7/2021, cũng như bản tự khai ngày 21/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh Lê Văn D có đăng ký kết hôn tự nguyện ngày 14/04/2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn VD, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, tình cảm vợ chồng hòa thuận được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng trước khi kết hôn không tìm hiểu kỹ, không cùng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không tin tưởng lẫn nhau. Anh D ham chơi, rượu chè, cờ bạc, gái gú.

Tình trạng hôn nhân như vậy khiến chị H vô cùng mệt mỏi và chán nản. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Chị H và anh D đã sống ly thân từ tháng 03 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là Lê Văn L, sinh ngày 12/02/2002 và Lê PA, sinh ngày 06/9/2008. Ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, cháu L đã có gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26 tháng 11 năm 2021, anh Lê Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Anh D thống với chị H về điều kiện kết hôn, thời điểm kết hôn. Thời gian vợ, chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau. Tuy nhiên anh D đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy con cái, vợ chồng làm lại từ đầu, đi đâu có đó, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là Lê Văn L, sinh ngày 12/02/2002 và Lê PA, sinh ngày 06/9/2008. Anh D không đồng ý ly hôn nên không đề nghị giải quyết về phần con chung, không đồng ý để chị H nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) công bố những ý kiến của đương sự có trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn D. Về con chung: Giao cháu Lê PA, sinh ngày 06/9/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết

quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng Viện Kiểm sát được biết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Văn D hai lần để trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì, vì vậy không có bản tự khai của anh D. Tòa án cũng đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng không đạt được sự TN giữa các bên. Sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/11/2021 chị H đã có đơn đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải, anh D không có ý kiến gì thêm nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh D.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn D có đăng ký kết hôn ngày 14/04/2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông trường VD (Nay là Ủy ban nhân dân thị trấn VD), huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Việc đăng ký kết hôn của chị H và anh D là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận được 2 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, không tin tưởng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 03 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm tới ai nữa. Việc này đã được Ủy ban nhân dân thị trấn TN, huyện YĐ xác nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn VD. Nay chị H nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D, anh D mặc dù đã trình bày không đồng ý ly hôn nhưng không có mặt để tham gia phiên tòa và cũng không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị H và anh D đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh D.

[3]. Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là Lê Văn L, sinh ngày 12/02/2002 và Lê PA, sinh ngày 06/9/2008. Xét yêu cầu của chị H về việc xin nuôi con là chính đáng và hợp pháp, anh D không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung, cũng không đồng ý để chị H nuôi con. Tuy nhiên, hiện cháu PA đang ở với chị H và cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, hơn nữa cháu PA là con gái đang trong độ tuổi vị thành niên nên sự chăm sóc của người mẹ là rất cần thiết. Để tiện cho việc học tập, chăm sóc con chung, tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt, cũng như xem xét về lợi ích chính đáng và nguyện vọng của cháu PA. HĐXX nhận thấy nên giao cháu PA cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là phù hợp. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị H.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị H và anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS; Điều 6, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Lê PA, sinh ngày 06/9/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Anh D có quyền qua lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số AA/2021/0007405 ngày 08/10/2021, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị H và anh D. H và anh D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn VD;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Quân